|  |  |
| --- | --- |
| HỘI LHPN TỈNH ĐỒNG NAI  **BAN THƯỜNG VỤ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BẢN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC CẤP HỘI NĂM 2019**

*(Kèm theo Hướng dẫn số 29/HD-BTV ngày 29/6/2019 của BTV Hội LHPN tỉnh Đồng Nai)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm chuẩn** | **Cách tính điểm đạt tiêu chí** | | | | **Yêu cầu minh chứng** | | |
| **I** | **Thực hiện 7 chỉ tiêu và 3 nhiệm vụ** | **160** |  | | | |  | | |
| **1** | **Nhiệm vụ 1: Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình hạnh phúc** | **39** |  | | | |  | | |
|  | ***Chỉ tiêu 2:*** *Hàng năm, mỗi cơ sở Hội tổ chức ít nhất 02 hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ.* | | | | | | | | |
|  | ***Chỉ tiêu 3:*** *Hàng năm, mỗi cơ sở Hội phát hiện, xây dựng, biểu dương, tuyên truyền nhân rộng ít nhất 03 điển hình là cá nhân phụ nữ tiêu biểu, mô hình hoặc cách làm hay.* | | | | | | | | |
| **1.1** | ***Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện (05 tiêu chí)*** | **23** |  | | | |  | | |
|  | 1. Số cơ sở Hội tổ chức được tối thiểu 02 hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ trong năm*(Đảm bảo có nội dung tuyên truyền về an toàn cho phụ nữ và trẻ em).* | 5 | 100% cơ sở Hội có 02 hoạt động/ cơ sở/năm | | | | | - Cấp cơ sở: Chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động truyền thông, lưu trữ tài liệu, tư liệu, sản phẩm truyền thông.  - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi số lượng cơ sở Hội đạt và vượt chỉ tiêu (số cơ sở tổ chức 2 hoạt động; số cơ sở tổ chức trên 2 hoạt động); lựa chọn được những hoạt động truyền thông tốt/hay tại cơ sở để phản ánh trong báo cáo định kỳ 6 tháng, năm. | |
|  | 2. Số cơ sở Hội phát hiện, xây dựng, biểu dương, tuyên truyền nhân rộng ít nhất 03 điển hình là cá nhân phụ nữ tiêu biểu, mô hình hoặc cách làm hay *(Lưu ý có điển hình là dân tộc, tôn giáo ở những đơn vị có đông đồng bào phụ nữ dân tộc, tôn giáo).* | 5 | 100% cơ sở Hội có 02 hoạt động/ cơ sở/năm | | | | | - Cấp cơ sở: Có sổ theo dõi điển hình/mô hình cụ thể *(rõ người, rõ việc, rõ cách làm và rõ kết quả).*  - Cấp huyện: Phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân điển hình tiên tiến theo Hướng dẫn số 10/HD-TG ngày 30/9/2017 của BTV Hội LHPN tỉnh, có kèm theo tin/bài viết tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông cấp huyện/cấp tỉnh. Hàng quý, tổng hợp danh sách điển hình của cơ sở gửi về tỉnh. Mỗi quý có ít nhất 01 tin/bài được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Hội LHPN tỉnh. | |
|  | 3. Tổ chức các hoạt động thực hiện chủ đề năm 2019 về “An toàn cho phụ nữ và trẻ em” | 8 | Có các hoạt động triển khai Kế hoạch số 164/KH-PT ngày 19/3/219 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh về thực hiện chủ đề năm 2019 “An toàn cho phụ nữ và trẻ em” | | | | | - Cấp huyện: Lựa chọn nội dung, lĩnh vực về an toàn cho phụ nữ và trẻ em để triển khai thực hiện xây dựng kế hoạch/ Hướng dẫn triển khai và báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ. | |
|  | 4. Tổ chức hoạt động biểu dương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực tại cấp huyện (làm riêng hoặc lồng ghép). | 2 | Tổ chức ít nhất 01 hoạt động | | | | | - Cấp huyện: Có kế hoạch riêng/lồng ghép và báo cáo kết quả hoạt động trong báo cáo định kỳ. | |
|  | 5. Số cơ sở Hội xác định 1 loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao để vận động hội viên, phụ nữ tham gia | 3 | 100% cơ sở Hội lựa chọn 01 loại hình và duy trì thực hiện | | | | | - Cấp cơ sở: Mỗi cơ sở Hội lựa chọn 01 loại hình và duy trì thực hiện; có hồ sơ minh chứng.  - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi số lượng, danh sách tên loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của từng cơ sở) và báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ. | |
| ***1.2*** | ***Tuyên truyền, vận động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh (04 tiêu chí).*** | ***16*** |  | | | | |  | |
|  | ***Chỉ tiêu 4:*** *Hàng năm, mỗi cơ sở Hội đăng ký với cấp ủy, chính quyền thực hiện ít nhất một hoạt động thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; giúp thêm được ít nhất 02 hộ gia đình đạt các tiêu chí “Gia đình 5 không, 3 sạch”.* | | | | | | | | |
|  | 6. Mỗi cơ sở Hội đăng ký với cấp ủy, chính quyền thực hiện **ít nhất 1** hoạt động/ phần việc thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh | 5 | 100% cơ sở Hội có 01 hoạt động/phần việc. | | | | | - Cấp cơ sở: Nêu tên hoạt động/ phần việc đăng ký/ được cấp ủy, chính quyền giao thực hiện. Có danh sách minh chứng cụ thể.  - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi số lượng cơ sở Hội thực hiện các loại hoạt động/phần việc và báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ. Có danh sách minh chứng cụ thể. | |
|  | 7. Mỗi cơ sở Hội giúp thêm ít nhất 02 hộ gia đình đạt các tiêu chí “gia đình 5 không, 3 sạch”. Trong đó có ít nhất 01 hộ thoát nghèo theo tiêu chí đa chiều. | 5 | -100% cơ sở Hội giúp thêm được 02 hộ đạt 8 tiêu chí gia đình 5k3s trong đó 01 hộ thoát nghèo theo tiêu chí đa chiều (nếu địa phương có hộ nghèo) | | | | | - Cấp cơ sở: Theo dõi hộ nghèo, hộ thoát nghèo; theo dõi các hộ được giúp đạt tiêu chí; phản ánh rõ cách thức giúp và báo cáo kết quả lên Hội cấp trên (đánh giá dự kiến thoát nghèo). Có danh sách minh chứng cụ thể.  - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi số lượng cơ sở hội thực hiện, số hộ đạt tiêu chí và báo cáo kết quả về Hội LHPN tỉnh. Có danh sách minh chứng cụ thể. | |
|  | 8. Đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”;  - Giới thiệu điển hình cho Tỉnh Hội. | 3 | Có hoạt động đánh giá, tổng kết | | | | | - Cấp huyện: có báo cáo chuyên đề kết quả thực hiện (theo yêu cầu của Tỉnh Hội), trong đó nêu rõ mô hình, điển hình. | |
|  | 9. Có hoạt động hỗ trợ phụ nữ và gia đình (tư vấn, hỗ trợ BLGÐ, tiền hôn nhân, giúp việc gia đình...) do tỉnh chỉ đạo, thực hiện. | 3 | Có 01 hoạt động | | | | | - Cấp huyện: căn cứ kế hoạch/hướng dẫn thực hiện mô hình và có báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ về cấp tỉnh. | |
| **2** | **Nhiệm vụ 2: Vận động, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường** | **39** |  | | | | |  | |
| ***2.1*** | ***Vận động, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp xây dựng hợp tác xã, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững (06 tiêu chí)*** | **27** |  | | | | |  | |
|  | ***Chỉ tiêu 5:*** *Các cấp Hội, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đào tạo nghề, phối hợp, giới thiệu đào tạo nghề cho lao động nữ; hỗ trợ 48 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp.* | | | | | | | | |
|  | 10. Số lượng lao động nữ được đào tạo nghề, phối hợp, giới thiệu đào tạo nghề trong năm. | 6 | Theo chỉ tiêu đăng ký | | | | Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi được số lượng lao động nữ được đào tạo và có việc làm sau đào tạo nghề; báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ. | | |
|  | 11. Số lượng phụ nữ được Hội hỗ trợ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp trong năm. | 6 | Mỗi Hội LHPN huyện, Tp hỗ trợ **ít nhất 4** phụ nữ khởi nghiệp và kinh doanh. | | | | Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi được số lượng phụ nữ được Hội giúp và cách thức giúp; báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ. Có danh sách minh chứng cụ thể. | | |
|  | 12. Tổ chức và tham gia ngày phụ nữ khởi nghiệp | 3 | Tham gia Ngày Phụ nữ khởi nghiệp cấp tỉnh và có tham gia gian hàng | | | | - Cấp huyện: 100% đơn vị cấp huyện đăng ký tham gia | | |
|  | 13. Số lượng HTX do phụ nữ quản lý được hỗ trợ thành lập hoặc duy trì trong năm | 5 | Theo Kế hoạch số 49/KH-KTCSLP về khảo sát thành lập THT/HTX | | | | - Cấp huyện: Theo chỉ tiêu thực hiện điểm. Có số liệu, thông tin cụ thể về HTX mới thành lập và các hoạt động hỗ trợ duy trì HTX đã thành lập; Có báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo định kỳ. | | |
|  | 14. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các nguồn vốn phát triển kinh tế thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. | 4 | - Tỷ lệ nợ quá hạn 0.4%.  - Nợ xấu giảm 0.5% so với năm 2018 | | | | - Cấp huyện: Theo dõi được số liệu các hoạt động tiếp cận nguồn vốn và có báo cáo kết quả trong báo cáo định kỳ | | |
|  | 15. Có hoạt động vận động phụ nữ sản xuất sạch, chế biến sạch và dùng sạch. | 3 | Có 01 hoạt động | | | | - Cấp huyện: Theo dõi tổng hợp và có báo cáo kết quả thực hiện định kỳ | | |
| ***2.2*** | ***Vận động phụ nữ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (02 tiêu chí)*** | **12** |  | | | |  | | |
|  | 16. Mỗi cơ sở Hội xây dựng/duy trì hoặc tham gia phối hợp ít nhất 01 hoạt động/ mô giữ gìn vệ sinh môi trường, giảm ô nhiễm, giảm thải ra môi trường hoặc mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, có hoạt động tuyên truyền, vận động phụ nữ có hành động thiết thực hưởng ứng phong trào “chống rác thải nhựa”. | 6 | 100% số cơ sở Hội có ít nhất 01 hoạt động/ mô hình | | | | - Cấp huyện: có văn bản hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức các hoạt động/mô hình; có văn bản thành lập mô hình mới hoặc có hoạt động để duy trì các mô hình Tổ/CLB về BVMT đã có (ví dụ: có hoạt động để củng cố, nâng cao chất lượng các mô hình, cung cấp túi vải/ giỏ nhựa cho Tổ/CLB....). Có báo cáo kết quả thực hiện định kỳ. | | |
|  | 17. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ tiếp cận, xây dựng công trình nước sạch, nhà vệ sinh. | 6 | Ít nhất 01 hoạt động. | | | | - Cấp huyện: Có văn bản hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các hoạt động và có báo cáo kết quả định kỳ. | | |
| **3** | **Nhiệm vụ 3: Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân**  **- Thực hiện 2 khâu đột phá** | **82** |  | | | |  | | |
|  | ***Chỉ tiêu 6****: Đến cuối nhiệm kỳ, toàn quốc tăng thêm 1 triệu hội viên; đảm bảo không có cơ sở Hội tập hợp dưới 50% phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia.* | | | | | | | | |
|  | ***Chỉ tiêu 7****: Đến cuối nhiệm kỳ, 100% cán bộ Hội cấp trung ương, tỉnh, huyện, 90% trở lên Chủ tịch Hội cấp cơ sở đạt chuẩn chức danh theo quy định; 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội ít nhất 03 lần/nhiệm kỳ; 100% chi hội trưởng được bồi dưỡng nghiệp vụ ít nhất 01 lần/nhiệm kỳ* | | | | | | | | |
| **3.1** | ***Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động xây dựng tổ chức Hội vững mạnh*** *(8 tiêu chí)* | **36** |  | | | | | |  |
|  | 18. Số lượng hội viên tăng thêm trong năm *(số lượng hội viên tăng được tính như sau: số hội viên mới được công nhận trừ đi số hội viện giảm trong năm)* | 6 | Thực hiện đạt chỉ tiêu phân bổ của tỉnh. | | | | | - Cấp cơ sở: Có sổ theo dõi số lượng hội viên tăng, giảm trong năm.  - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi tình hình phát triển hội viên; báo cáo số liệu hội viên và các hoạt động hỗ trợ thu hút tập hợp hội viên (đặc biệt là các đối tượng đặc thù) trong báo cáo định kỳ.  - Ghi số liệu cụ thể | |
|  | 19. Giảm số cơ sở Hội tập hợp dưới 50% phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia tổ chức Hội.  ***- Đối tượng đánh giá:***  + Các đơn vị còn cơ sở Hội có tỷ lệ tập hợp dưới 50% phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia tổ chức Hội: Tiếp tục các hoạt động để duy trì và tăng tỷ lệ thu hút, tập hợp hội viên. | 4 | Theo chỉ tiêu đề ra | | | | | - Cấp huyện: theo dõi, tổng hợp và có danh sách, số lượng cơ sở đạt và chưa đạt 50% phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia tổ chức Hội; Có báo cáo kết quả thực hiện để đạt chỉ tiêu trong báo cáo định kỳ.  - Ghi số liệu cụ thể | |
|  | 20. Cập nhật dữ liệu về hội viên | 3 | Theo Hướng dẫn của Tỉnh Hội | | | | | - Cấp huyện: cập nhật được phần phềm, quản lý, theo dõi hội viên. | |
|  | 21. Số cán bộ Hội cấp huyện, cơ sở đạt chuẩn chức danh theo quy định.  ***- Đối tượng đánh giá:***  + Cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch  + Cấp cơ sở: Chủ tịch  - Theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác Hội và lý luận chính trị: theo quy định của địa phương.  + Về nghiệp vụ công tác Hội: có chứng nhận học nghiệp vụ công tác Hội (trừ trường hợp công tác dưới 1 năm) | 6 (Mỗi cấp 2 điểm) | Cấp huyện: Đạt 100%  Cấp cơ sở: Đạt 90% trở lên | | | | | - Cấp huyện, cơ sở: Có hồ sơ theo dõi cán bộ và báo cáo kết quả thực hiện để đạt chỉ tiêu trong báo cáo định kỳ.  - Ghi số liệu cụ thể | |
|  | 22. Số cán bộ Hội cấp huyện, cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội trong năm.  - Đối tượng đánh giá:  + Cấp huyện: Cán bộ, công chức cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện (Không tính các loại hợp đồng)  + Cấp cơ sở: Chủ tịch | 6 (Mỗi cấp 2 điểm) | Theo chỉ tiêu đăng ký | | | | | - Cấp huyện, cơ sở: Theo dõi cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng.  - Ghi số liệu cụ thể từng cấp | |
|  | 23. Số Chi hội trưởng được bồi dưỡng nghiệp vụ trong năm. | 3 | Theo chỉ tiêu đăng ký | | | | | - Cấp cơ sở: Theo dõi cán bộ, công chức được tập huấn.  - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi số lượng chi HT được tập huấn, bồi dưỡng và báo cáo số liệu (số lớp, số học viên tham gia và nội dung tập huấn) trong báo cáo định kỳ. | |
|  | 24. Thành lập chi/tổ/ Câu lạc bộ phụ nữ (nhà trọ, công nhân, tôn giáo,…) | 2 | Theo tình hình địa phương | | | | | - Cấp huyện: Tổng hợp, theo dõi số lượng chi/ tổ hội được thành lập; có quyết định thành lập kèm theo. | |
|  | 25. Tham gia các hoạt động hỗ trợ xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. Theo chỉ đạo của tỉnh. | 4 | Theo phân bổ của tỉnh | | | | | - Cấp huyện: Có văn bản chỉ đạo; phối hợp tuyên truyền, lồng ghép phát động nhắn tin ủng hộ Chương trình “Đồng hành cùng Phụ nữ biên cương”.  - Tham gia vận động, ủng hộ, hỗ trợ xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. | |
|  | 26. Tổ chức đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết ĐHĐB Phụ nữ các cấp phù hợp với điều kiện địa phương | 2 | Theo Kế hoạch 161/KH-BTV của BTV Hội LHPN tỉnh | | | | | - Cấp huyện: Có Kế hoạch tổ chức đánh giá giữa nhiệm kỳ và gửi báo cáo Tỉnh Hội theo đúng thời gian quy định | |
| ***3.2*** | ***Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, tham mưu đề xuất, thực hiện giám sát và phản biện xã hội (05 tiêu chí)*** | 38 |  | | | | |  | |
|  | ***Chỉ tiêu 1****: hàng năm các cấp hội giám sát ít nhất 01 chính sách; đóng góp ý kiến, phản biện xã hội ít nhất 01 văn bản dự thảo có liên quan.* | | | | | | | | |
|  | 27. Cấp huyện, cơ sở thực hiện giám sát ít nhất 01 chính sách trong năm.  - Cấp huyện: Số lượng/ Tên chính sách giám sát; Kiến nghị, đề xuất được tiếp thu.  - Cơ sở:  + Số lượng/ Tên chính sách Hội cơ sở ***chủ trì*** giám sát; Kiến nghị, đề xuất được tiếp thu.  + Số lượng/ Tên chính sách Hội cơ sở phối hợp ***tham gia đoàn*** giám sát (nêu cụ thể đơn vị phối hợp); Kiến nghị, đề xuất được tiếp thu. | 7 (cấp huyện 4; cơ sở 3) | | Theo chỉ tiêu đăng ký | - Cấp huyện: Có Kế hoạch giám sát; Báo cáo kết quả giám sát, những đề xuất, kiến nghị sau giám sát.  Cấp xã:  - Phát hiện được vấn đề và phản ánh thông tin về việc thực hiện các chính sách, pháp luật tới cơ quan chức năng, Hội cấp trên *(nêu cụ thể từng vấn đề)*  - Chủ động thực hiện giám sát hoặc phối hợp tham gia hoạt động giám sát cùng các cơ quan, tổ chức khác, qua GS có phát hiện vấn đề liên quan đến hội viên, phụ nữ đề xuất, kiến nghị cơ quan chức năng giải quyết *(nêu cụ thể từng vấn đề)* | | | | |
|  | 28. Cấp huyện, cấp cơ sở đóng góp ý kiến, phản biện xã hội ít nhất 01 văn bản dự thảo có liên quan trong năm:  + Cấp huyện: Số lượng/ Tên dự thảo văn bản góp ý, phản biện; Có văn bản góp ý, phản biện cơ quan chức năng; Văn bản tổng hợp những vấn đề Hội góp ý, PBXH được tiếp thu.  + Cơ sở: Số lượng/ Tên dự thảo văn bản góp ý, phản biện; Văn bản tổng hợp những vấn đề Hội góp ý, PBXH được tiếp thu. | 7 (cấp huyện 4; cơ sở 3) | | Theo chỉ tiêu đăng ký | - Cấp huyện: Có văn bản đóng góp ý kiến, PBXH và báo cáo kết quả thực hiện lên cấp trên.  - Cấp cơ sở: Có văn bản góp ý và báo cáo kết quả thực hiện lên cấp trên. | | | | |
|  | 29. Có hoạt động tạo nguồn/ giới thiệu cán bộ nữ cho hệ thống chính trị:  + Cấp huyện: Có văn bản triển khai, tổ chức thực hiện và chỉ đạo cơ sở thực hiện: Đánh giá thực trạng cán bộ nữ lãnh đạo quản lý ở địa phương, đơn vị; Chủ động phát hiện nguồn tham mưu, đề xuất cấp ủy chỉ đạo để đảm bảo cơ cấu cán bộ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2025. | 6 | | Có hoạt động | * Cấp huyện: Có văn bản hướng dẫn/ đề xuất và báo cáo kết quả hoạt động trong báo cáo định kỳ. Có danh sách cán bộ nữ đề xuất nguồn/ giới thiệu. | | | | |
|  | 30. Phát hiện, lên tiếng, phối hợp tham gia giải quyết trường hợp phụ nữ, trẻ em bị xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp. | 6 | | Chủ động phát hiện, khẩn trương vào cuộc/ có biện pháp, giải pháp lên tiếng/ phối hợp tham gia giải quyết các vụ việc phù hợp | * Cấp huyện: Có văn bản liên quan đến vụ việc được giải quyết gửi Hội LHPN tỉnh; xây dựng mạng lưới cộng tác viên, chuyên gia tư vấn pháp luật và báo cáo Hội cấp trên kịp thời. | | | | |
|  | 31. Các hoạt động tham gia tổ chức cho phụ nữ thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, đại diện *(đối thoại, diễn đàn, bầu cử, tiếp xúc cử tri, giám sát cộng đồng).* | 4 | | Có 01 hoạt động | - Cấp huyện: Có kế hoạch hoạt động (hoặc phối hợp thực hiện ); có báo cáo kết quả tổ chức hoạt động gởi Hội LHPN tỉnh. | | | | |
| ***3.3*** | ***Đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân và hợp tác quốc tế (02 tiêu chí)*** | ***8*** | |  | |  | | | |
|  | 32. Có hoạt động, mô hình hợp tác quốc tế *(ký kết, thực hiện các thoả thuận hợp tác, trao đổi đoàn, quản lý tiếp nhận dự án quốc tế theo đúng quy chế đối ngoại…).*  - Các hoạt động bảo vệ phụ nữ trong các quan hệ và giao dịch có yếu tố nước ngoài *(Phụ nữ di cư lao động, kết hôn với người nước ngoài):*  - Nắm tình hình phụ nữ;  - Hướng dẫn/tư vấn/hỗ trợ (sinh kế, đào tạo nghề, nguồn lực…);  - Kịp thời lên tiếng bảo vệ. | 4 | | Có 01 hoạt động/ mô hình hợp tác quốc tế | | - Cấp huyện: Có báo cáo kết quả hoạt động trong báo cáo định kỳ. | | | |
|  | 33. Có hoạt động tuyên truyền, đối ngoại, hoạt động nâng cao kiến thức, kỹ năng hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế (tuyên truyền về an ninh biên giới, giao tiếp thân thiện với người nước ngoài, hỗ trợ phụ nữ xuất khẩu, phát triển thị trường, hỗ trợ phụ nữ kết hôn quốc tế và di cư lao động an toàn,…) | 4 | | Có 1 hoạt động tuyên truyền đối ngoại hoặc hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế | | - Cấp huyện: Có báo cáo kết quả hoạt động trong báo cáo định kỳ. | | | |
| **II** | **Công tác thông tin, báo cáo** | **10** | |  | |  | | | |
| 33. | Các đơn vị thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định (gồm cả chất lượng báo cáo đánh giá). | 6 | |  | |  | | | |
| 34. | Hồ sơ khen thưởng đúng quy định và yêu cầu, không có hồ sơ bị trả về. | 2 | |  | |  | | | |
| 35. | Có danh sách giới thiệu điển hình và mô hình tiêu biểu gửi về Hội LHPN tỉnh hàng quý. | 2 | |  | |  | | | |
| **III** | **Điểm thưởng (tối đa cho mỗi mục)** | **30** | |  | |  | | | |
| 36. | Những nội dung/hoạt động vượt mức, vượt chỉ tiêu đăng ký. | 7 | |  | |  | | | |
| 37. | Cách làm hay, sáng tạo được Hội LHPN tỉnh công nhận và nhân rộng. | 7 | |  | |  | | | |
| 38. | Giải quyết tốt những nhiệm vụ đột xuất của tỉnh và TW Hội chỉ đạo. | 4 | |  | |  | | | |
| 39. | Có hoạt động, giải pháp, sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng. | 4 | |  | |  | | | |
| 40. | Vận động tốt nguồn lực trong nước và quốc tế. | 4 | |  | |  | | | |
| 41. | Có ý tưởng, đóng góp tích cực cho hoạt động của cụm thi đua. | 4 | |  | |  | | | |
| **IV** | **Điểm trừ** | **Không quá 20 điểm** | |  | |  | | | |
|  | Không đảm bảo việc trích nộp hội phí theo quy định của Điều lệ Hội. | 3 | |  | |  | | | |
|  | Tỉ lệ nợ quá hạn vốn vay Ngân hàng CSXH cao hơn mức quy định. | 2 | |  | |  | | | |
|  | Có vi phạm về quản lý tài chính. | 3 | |  | |  | | | |
|  | Có cán bộ chuyên trách cấp huyện/ cơ sở bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên | 3 | |  | |  | | | |
|  | Không nắm được tình hình phụ nữ; Không kịp thời nắm bắt và không có giải pháp tham gia giải quyết các điểm nóng, các vụ việc xảy ra tại địa phươnng | 5 | |  | |  | | | |
|  | Nội dung khác do theo dõi của các ban và đoàn công tác | 4 | |  | |  | | | |
|  | **TỔNG CỘNG** (I+II+III) | **200** | |  | |  | | | |